TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:13/2019/HSST
Ngày: 27/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: ông: Lê Văn Dũng
bà: Điểu Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: ông Lý Văn Hơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2019/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019; Đối với các bị cáo:

1. VŨ TUẤN N(Tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke) - Sinh năm: 1991; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: Thôn 2, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; con ông Lê Thanh S, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1969; Bị cáo có vợ tên Vũ Thị Thanh N, sinh năm 1994 và có 01(một) người con sinh năm 2013; Tiền án: Ngày 14/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số: 67/2016/HS-ST.

Ngày 28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với 15 tháng tù tại bản án số: 67/2016/HSST ngày 14/12/2016 thành 24 tháng tù tại Bản án số: 14/2017/HSST.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2018 đến nay *(có mặt).*

2. LÊ VĂN L- Sinh năm: 1981; tại: tỉnh Hậu Giang; HKTT: Thôn 5, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; con ông Lê Văn Chuyển, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Xem, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ tên Trần Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1983 và có 02(hai) người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/10/2017, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi mua, bán lâm sản (gỗ) không có hồ sơ hợp pháp, phạt tiền 7.500.000 đồng đến nay bị can chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2018 đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo VŨ TUẤN N (tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke):* ông Đàm Văn Đức, sinh năm 1970 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- *Bị hại:* Trần Thị Hà T, sinh năm 1960(có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Ấp Phước Tiến, xã Hưng Phước, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- *Những người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988(vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Thanh Thủy, TT. TB, huyện B, tỉnh Bình Phước.
2. Trần Đức K, sinh năm 1974(vắng mặt)
3. Lê Hồng Như T, sinh năm 1989(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

LÊ VĂN Lthuê phòng trọ tại nhà nghỉ Trâm Anh 2 thuộc địa phận thôn 3, xã A, huyện B để ở. Ngày 22/11/2018, VŨ TUẤN N đến phòng trọ của L chơi, cả hai bàn bạc với nhau lấy trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. L nói với N lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát: 93G1-192.64 của bà Trần Thị Hà T để tại nhà kho để xe của nhà nghỉ Trâm Anh 1. Sau đó, N đi chơi bắn cá ở phòng số 02 của nhà nghỉ Trâm Anh 2, L đi xuống khu vực nhà nghỉ Trâm Anh 1 (cách nhà nghỉ Trâm Anh 2 khoảng 200m) thì thấy bà T đi ra ngoài, không có ai ở gần khu vực nhà kho chỗ để xe mô tô trên. L quay lại chỗ N đang chơi bắn cá nói với N "ở dưới nhà nghỉ không có người, mày có đá thì xuống đá". L đi trước quan sát và cảnh giới, N đi theo sau. Khi đi đến cuối hành lang thì L gặp Lê Hồng Như T (là khách ở trọ) đứng ngay ở bên ngoài chỗ cửa ra vào ở cuối hành lang, sợ Tuyết nhìn thấy N nên L dùng tay đóng cánh cửa lại. Lúc này, N đi vào nhà kho thì phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát: 93G1-192.64 của bà T, ổ điện đã bị cạy phá, không có chìa khóa xe, đèn số 0 bật sáng, N quay xe, nổ máy và điều khiển xe chạy về cất giấu tại nhà trọ của Nguyễn Văn H thuộc ấp Thanh Thủy, thị trấn TB, huyện B. Trong lúc T đứng nói chuyện với L thì T nhìn thấy N đứng ở khu vực sân của nhà nghỉ Trâm Anh 1, khi L dùng tay đóng cửa lại T nói "tự dưng đóng cửa lại vậy", khoảng 01 đến 02 phút sau thì L mở cửa ra. Sau đó, L có điện thoại cho N hỏi đã qua ngầm Campuchia chưa thì N trả lời "không, để ở Việt Nam".

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà T trình báo công an, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, truy xét và thu giữ xe mô tô của bà T tại nhà trọ của Nguyễn Văn H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 10/2019/BKL - ĐGTS ngày 23/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển số 93G1-192.64, chất L sử dụng 90% là 19.710.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm mười nghìn).

Cáo trạng số: 12/CTr-VKS ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo VŨ TUẤN N(tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke) và LÊ VĂN Lvề tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo; đưa ra điều luật áp dụng và mức hình phạt để Hội đồng xét xử. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo VŨ TUẤN N(tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke) từ 18 đến 24 tháng tù; đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo LÊ VĂN Ltừ 12 đến 15 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo VŨ TUẤN N (tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke): Thống nhất tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như Kiểm sát viên đã trình bày. Tuy nhiên đề nghị cho N được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thống nhất với lời trình bày của Người bào chữa.

Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B cho rằng các bị cáo không thành khẩn khai báo vì các bị cáo không thừa nhận ai là người bẻ ổ khóa, ai là người khởi xướng nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trên.

Người bào chữa cho bị cáo VŨ TUẤN N cho rằng việc chứng minh tội phạm là của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng mà không phải là bị cáo, nên bị cáo vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trên.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt không tham gia tranh luận và có đơn xin xét xử vắng mặt, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Về nội dung: Do có quen biết từ trước với LÊ VĂN Lđang thuê nhà của bà Trần Thị Hà T tại nhà nghỉ Trâm Anh1 thuộc Thôn 3, A, B VŨ TUẤN N đến ở cùng với L tại nhà nghỉ trên. Ngày 22/11/2018 sau khi được L cho biết tại kho nhà bà Hà T có 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát: 93G1 – 192.64 L và N bàn bạc với nhau chiếm đoạt chiếc xe trên. Sau khi phát hiện bà Hà T ra khỏi nhà L đã báo cho N biết vào kho nhà bà Hà T để chiếm đoạt chiếc xe trên. L đi trước cảnh giới và chỉ chỗ để xe cho N, khi vào kho quan sát không có ai phát hiện N thấy chiếc xe trên đèn số không đã bật, N quay đầu xe chạy đi cất giấu.

Tại kết luận định giá trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá , trị giá 19.710.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm mười nghìn). Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố là có căn cứ, đúng hành vi, đúng pháp luật .

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi lợi dụng không người trông coi tài sản đã lén lút vào nhà (kho) chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu sài cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình, điều này chứng tỏ các bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra, nhằm răn đe, cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với tình tiết giảm nhẹ "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị cáo không thực thà khai báo về tình tiết ai là người phá ổ khóa chiếc xe trộm cắp trên, các bị cáo không chịu nhận ai là người khởi xướng, lôi kéo nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trên. Hội đồng xét xử xét thấy các tình tiết nêu trên tại cơ quan điều tra và tại Tòa hôn nay các bị cáo đều không thừa nhận, cũng tại hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc các bị cáo có thực hiện các tình tiết nêu trên hay không nên không có cơ sở để khẳng định các bị cáo không thành khẩn khai báo đối với các tình tiết nêu trên. Nên quan điểm này của người bào chữa cho bị cáo N được chấp nhận.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo ăn năn hối cải tại điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự năm 2015. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đều đang nuôi con nhỏ, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn(gia đình thuộc diện hộ nghèo). Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo N đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số: 67/2016/HS-ST ngày 14/12/2016. Ngày

28/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt với bản án trên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 24 tháng tù tại Bản án số: 14/2017/HSST, đến ngày 09/5/2018 bị cáo đã chấp hành xong, chưa được xóa án tích. Bị cáo đã bị kết án tại hai bản án nêu trên nhưng hành vi phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" xảy ra trước và xét xử sau hành vi "Trộm cắp tài sản" nên lần phạm tội này, bị cáo chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" mà không phải là "tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo L là người chủ động khởi xướng, theo dõi, quan sát, cảnh giới cho bị cáo N; bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau. Tuy nhiên bị cáo N phải chịu thêm tình tiết tăng nặng như phân tích trên nên có mức hình phạt cao hơn bị cáo L.

Đối với Nguyễn Văn H là người đã chứa chấp xe mô tô do VŨ TUẤN N trộm cắp được tại phòng trọ của mình nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý, Hội đồng xét xử không xét.

Xét sự đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về mức hình phạt và các vấn đề khác là có cơ sở cần chấp nhận.

Về vật chứng: Qua điều tra xác định: 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh đen, biển kiểm soát: 93G1 – 192.64, của ông Trần Văn Trắng đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, ông Trắng dã chuyển nhượng cho bà Trần Thị Hà T mặc dù chưa sang tên ông T cũng không có yêu cầu gì, Cơ quan điều tra Công an huyện B trả lại cho bà T là đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự bà Trần Thị Hà T đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo VŨ TUẤN N thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo. Nên bị cáo được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo VŨ TUẤN N(tên gọi khác: Vũ Minh Nhật, Ke) và LÊ VĂN Lphạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt VŨ TUẤN N(tên gọi khác: Vũ Minh N, Ke) 18(mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày cáo bị tạm giữ, tạm giam(23/11/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt LÊ VĂN L 12(mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam(23/11/2018).

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo LÊ VĂN Lphải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo VŨ TUẤN N.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng